

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2026.
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Trí;
- Ông Ngô Văn Được.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1986; địa chỉ: số nhà 242, tổ 6, ấp AB, xã HA, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp AQ, xã HA, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân vào năm 2002, được gia đình hai bên chấp thuận. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã Hội An, tỉnh An Giang) vào ngày 16/8/2010. Bà và ông T sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng vợ con, thậm chí còn đánh bà nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2025 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông T; về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 13/4/2003;

Nguyễn Thị KA, sinh ngày 03/7/2006 (đã thành niên) và Nguyễn Khởi M, sinh ngày 29/01/2013. Hiện cháu M đang sống cùng ông T. Khi ly hôn, bà đồng ý để chồng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khởi M, sinh ngày 29/01/2013; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và bà Lê Thị Ngọc N tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân vào năm 2002, được gia đình hai bên chấp thuận. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã HA, tỉnh An Giang) vào ngày 16/8/2010. Ông và bà N vẫn sống hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng phát có sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông có uống về vợ chồng cãi nhau nên ông có đánh vợ, ông đã nhận thấy sai lầm, đã nhiều lần năn nỉ vợ nhưng vợ không đồng ý. Nay vợ yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý do ông còn thương vợ con muốn vợ chồng hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc vợ con. Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 13/4/2003 (đã thành niên), Nguyễn Thị KA, sinh ngày 03/7/2006 (đã thành niên) và Nguyễn Khởi M, sinh ngày 29/01/2013. Hiện cháu M đang sống cùng ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khởi M, sinh ngày 29/01/2013, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Lê Thị Ngọc N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc N, từ khi thụ lý vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định, tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, từ khi thụ lý vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định, tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đề xuất hướng giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình quyết định, đề xuất;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc N đối với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung và Nguyễn Khởi M, sinh ngày 29/01/2013, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1]. Bà Lê Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ông T có nơi cư trú tại ấp An Quới, xã Hội An, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân khu vực 11 thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

[2]. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà N trình bày vợ sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng vợ con đồng thời còn đánh bà nên vợ chồng ly thân từ tháng 5/2025 đến nay. Thấy tình cảm không còn bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ông T thống nhất với bà N về thời gian cưới nhau nguyên nhân mâu thuẫn là ông có uống về vợ chồng cãi nhau nên ông có đánh vợ, ông đã nhận thấy sai lầm, đã nhiều lần năn nỉ vợ nhưng vợ không đồng ý. Nay vợ yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì còn thương vợ con muốn vợ chồng hàn gắn lại để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn của bà N ông T đã diễn ra trong thời gian dài, trong khoảng thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để tới lui thăm nhau hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu cho thời gian để hàn gắn với vợ và Tòa án đã cho ông thời gian để hàn gắn với vợ nhưng ông cũng không thực hiện được. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ngày càng trầm trọng. Mặt khác, bà N xác định không còn tình cảm với chồng nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn T xác định vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 13/4/2003, Nguyễn Thị KA, sinh ngày 03/7/2006 và Nguyễn Khởi M, sinh ngày 29/01/2013. Hiện cháu M đang sống cùng ông T. Bà N và ông T đều thống nhất vợ chồng ly hôn thì ông T được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khởi M. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho mẹ chăm sóc nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện và hoàn cảnh của các bên. Từ lúc vợ chồng ly thân đến nay ông T là người chăm sóc nuôi dưỡng

con chung nên tình cảm tâm tư gắn liền với người nuôi dưỡng. Mặc khác, ngày 11/12/2025 tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Khởi M và cháu có nguyện vọng được sống với ba. Do đó cần để ông T được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Khởi M là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng như nguyện vọng của con. Riêng đối với cháu Nguyễn Thị Hồng C và cháu Nguyễn Thị KA do bà N, ông T xác định đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Do ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: do bà N, ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập, giải quyết.

[5]. Về án phí: bà Lê Thị Ngọc N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc N:

- Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Ngọc N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: ông Nguyễn Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khởi M, sinh ngày 29/01/2013; ông Lê Thị Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Lê Thị Ngọc N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về án phí: bà Lê Thị Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) theo biên lai thu số 0005718 do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - An Giang cấp ngày 23 tháng 10 năm 2025. Bà N đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H.khu vực 11
- Phòng THADS khu vực 11;
- UBND xã Hội An, t. An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Dương